

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07-11-2019

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 321/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đinh T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: 19/8 ấp TP, xã TT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp KT, xã KTT, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh T trình bày: anh và chị Lê Thị Ngọc H do quen biết, tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện HT, tỉnh Tây Ninh năm 2013. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung gia đình anh tại xã Trường Tây, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Anh chị thường

xuyên cự cãi do anh với chị H bất đồng quan điểm sống và không thống nhất được về nơi cư trú của vợ chồng. Chị H muốn vợ chồng về quê chị H ở tỉnh Bến Tre sinh sống nhưng anh không đồng ý. Anh chị đã sống ly thân từ khi chị H tự ý đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2015 đến nay. Nay không còn tình cảm nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Đinh Hoàng N, sinh ngày 05/7/2013 đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tuy nhiên qua xác minh, bà Võ Thị Xứng là mẹ ruột của chị H cho biết, trong quá trình chung sống anh T thường xuyên cò bạc gây nợ nên chị H phải lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê kiếm tiền trả nợ cho anh T. Khoảng 5-6 tháng đầu anh T thỉnh thoảng có đến thăm chị H nhưng 5 năm gần đây thì anh chị đã không còn sống chung nên chị H về nhà mẹ ruột sinh sống. Về con chung của chị H và anh T là cháu Đinh Hoàng N, từ khi sinh ra đến nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Xứng cùng chồng bà là ông bà ngoại của cháu N cũng hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Hiện tại cháu N vẫn phát triển ổn định đồng thời chị H hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi dạy cho con nên nếu Tòa án cho anh T và chị H ly hôn, bà Xứng cho biết chị H có nguyện vọng được nuôi con.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, thấy rằng mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T và chị H ly hôn nhau. Về nuôi con chung, anh T và chị H có 01 con chung là cháu Đinh Hoàng N, sinh ngày 05/7/2013 hiện do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu N về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho chị H được trực tiếp nuôi con, ghi nhận anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh T xác định giữa anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh chị trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc: “*Xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy bị đơn Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đinh T đối với chị Lê Thị Ngọc H, thấy rằng:

Về hôn nhân: Anh Đinh T và chị Lê Thị Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ tính tình anh chị không hợp nhau và không thống nhất được nơi cư trú của vợ chồng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mâu thuẫn nhưng chị H vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không có mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, không thống nhất được nơi cư trú của vợ chồng, đã để mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, cho anh T và chị H ly hôn nhau.

Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Ngọc H đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Hoàng N, sinh ngày 05/7/2013. Để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu N, cần tiếp tục giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi nên ghi nhận để buộc thực hiện.

Về tài sản chung và về nợ chung: Anh T khai giữa anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H không có ý kiến về các vấn đề này nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng anh Đinh T phải chịu đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, anh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh T. Anh Đinh T được ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H.

[2] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Ngọc H được trực tiếp nuôi con tên Đinh Hoàng N, sinh ngày 05/7/2013. Anh Đinh T phải cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 11/2019 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: Anh T khai anh và chị H không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị H không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng anh Đinh T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005461 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Anh T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKS ND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THA DS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (Số 15; Ngày 22/01/2013)
Số 40 ngày 19/4/2018;
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lăng